

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh.

2. Ông Nguyễn Đức Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Kim T**, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BHB, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đoàn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng M chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/7/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, không còn tình cảm yêu thương nhau, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên anh chị đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 27/4/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2022, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng M trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay, đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh không đồng ý do còn thương vợ con.

Về con chung: Anh M chỉ xin được tới lui thăm, chăm sóc và rước con về bên nội chơi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không trình bày.

Anh Nguyễn Hoàng M vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, anh M cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Đang sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Do chị T, anh M có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ tháng 9/2021 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng anh M cũng vắng mặt chứng tỏ anh không có ý hàn gắn với chị T, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T ly hôn với anh M. Về con chung: Do cháu D được chị T nuôi dưỡng sau khi anh chị ly thân, chị T có nơi ở và thu nhập ổn định nên cần giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đoàn Thị Kim T khởi kiện anh Nguyễn Hoàng M yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh M là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Anh Nguyễn Hoàng M có đơn xin vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Đoàn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng M sống chung năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 07/7/2017 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm yêu thương nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn, anh M vắng mặt nhưng tại bản tự khai, anh M không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, chị Đoàn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng M có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ tháng 9/2021. Trong thời gian ly thân, anh chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng anh M cũng vắng mặt chứng tỏ anh không có ý hàn gắn với chị T. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T được quyền ly hôn với anh M.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 27/4/2018. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu D do chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi anh chị ly thân, chị T có nơi ở và thu nhập ổn định nên cần giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ phân tích trên, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Kim T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 27/4/2018 cho chị Đoàn Thị Kim T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003948 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Nhị Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Lê Huy Vũ